

Kết quả công tác khoa học kỹ thuật 3 năm 1986—1988 và phương hướng nhiệm vụ đến năm 1990 của Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm

NGUYỄN NGỌC KINH

Bài viết nêu kết quả chủ yếu của công tác KHKT trong 3 năm 1986—1988 trong ngành nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm; Những tiến bộ và khuyết điểm của công tác quản lý, triển khai trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng TBKT vào sản xuất. Đồng thời nêu phương hướng, nội dung công tác KHKT đến năm 1990 và 1 số biện pháp để thực hiện.

1. Một số kết quả chủ yếu qua 3 năm 1986—1988

TRONG kế hoạch công tác KHKT 1986—1990, Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm được giao.

— 5 Chương trình trọng điểm cấp Nhà nước: 02A—cây lương thực thực phẩm, 02B—chăn nuôi thú y; 18A—rau quả đồ hộp xuất khẩu; 18B—Mía đường và 20A. Giảm tổn thất và nâng cao hiệu quả sử dụng lương thực.

— Tham gia thực hiện các đề tài thuộc 7 chương trình trọng điểm cấp Nhà nước do Bộ khác quản lý: 02C—cây có dầu 16A—công nghiệp dệt; 16B—nguyên liệu giấy; 42A—khí tượng thủy văn, 46A—Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật và tư liệu viễn thám; 520—Công nghệ sinh học; 64D—chương trình bữa ăn.

— 7 Đề tài cấp nhà nước (ngoài các chương trình trọng điểm) về các vấn đề: quỹ gen cây trồng nông nghiệp, quỹ gen vật nuôi, cơ khí nông nghiệp, kinh tế nông nghiệp, chọn lọc lại tạo giống ong nhập nội, cây chè, cây cà phê.

Ngoài ra hàng năm có 120—150 đề tài cấp ngành và 30—40 đề tài đưa tiến bộ kỹ thuật TBKT vào sản xuất.

Việc triển khai kế hoạch KHKT thường gặp nhiều khó khăn, kế hoạch giao chậm, kinh phí sự nghiệp cho nghiên cứu khoa học ít, lại cấp

phát làm nhiều đợt trong khi đồng tiền trượt giá nhanh. Quỹ phát triển KHKT của Bộ chưa được thành lập; các đề tài TBKT không được nhà nước hỗ trợ kinh phí, thiết bị vật tư cho các đề tài này được cung ứng chậm và thiếu đồng bộ, đời sống cán bộ có nhiều khó khăn... Tuy vậy nhờ có tinh thần chủ động và tính năng động của các cơ sở. Các đề tài nghiên cứu khoa học đã được triển khai theo kế hoạch và đạt được nhiều kết quả tốt.

+ Về cây trồng nông nghiệp đã tập trung vào việc chọn tạo các giống mới và các biện pháp kỹ thuật thâm canh tổng hợp.

Ba năm qua, Hội đồng giống của Bộ đã công nhận và đưa vào sản xuất hàng chục giống cây trồng mới. Trong đó có các giống lúa chịu rét 1548, C37; chịu ngập úng: U14; U17; chịu chua thiếu lân: V14; không rầy nâu OM80; IR42, IR50, IR17494; giống mới trung cao cây, chống đề chịu úng hơn một tuyến: C10.

Các giống ngô: TSB2 có thời gian môi trường ngắn thích hợp trong cơ cấu vụ đông; MSB49 cho vụ xuân sớm và vụ xuân giống đặc trưng SKO2 có thời gian sinh trưởng ngắn, vụ xuân 70—75 ngày, vụ hè 85—87 ngày các giống khoai lang số 59 và 251 chịu lạnh có thời gian sinh trưởng ngắn, thích hợp cho vụ đông; giống cà chua số 7 và HP5; giống mía F156 cho các tỉnh

Phía nam; giống bông M456-10; Các giống dâu số 7 và 12 v.v...

Cùng với việc chọn tạo, đưa các giống mới vào sản xuất, Hội đồng KHKT Bộ đã công nhận và đưa vào sản xuất các quy trình; phòng trừ bệnh khô vằn hại lúa, phòng trừ sâu đục thân lúa, phòng trừ sâu cuốn lá hại lúa, đưa ra khu vực hóa hàng chục giống cây trồng nông nghiệp mới...

+ Về cơ khí nông nghiệp đã tập trung vào nghiên cứu các công cụ và máy móc nhỏ phục vụ cho các hộ gia đình nông dân, các công cụ máy móc cho khâu chế biến nông sản và thâm canh lúa. Tiểu ban cơ khí thuộc Hội đồng KHKT Bộ đã xét duyệt công nhận mẫu máy thu hoạch lúa bằng phương pháp tuốt hạt trực tiếp trên bông, công cụ sát gạo thủ công; công nhận mẫu và đưa thành TBKT 2 mẫu bơm hướng trục BHT 40 A và BHT 40 B, đưa vào sản xuất đại trà bơm thuốc trừ sâu bông lúa 85.

+ Về công nghiệp thực phẩm - lương thực:

- Hội đồng nghiệm thu cấp nhà nước đã nghiệm thu và đánh giá xuất sắc hai đề tài: Nghiên cứu sản xuất đường và mật tinh bột bằng enzym; «Nghiên cứu sản xuất chế phẩm aljamilaza quy mô công nghiệp» - Tiểu ban công nghiệp và chế biến thuộc Hội đồng KHKT Bộ đã xét duyệt và đề nghị Bộ cho ứng dụng vào sản xuất một số TBKT như:

- Hương xà xi.
- Hương vị colavina và nước uống colavina
- Pasta cao su PH-80.
- Quy trình chế biến sợi hoa màu (ngô sắn) làm lương thực.

- thiết kế và chế tạo xong toàn bộ lò đốt trấu tạo gaz LDT - 60 phù hợp với hoàn cảnh nước ta, cung ứng nhiệt cho máy sấy lương thực và nông sản.

- Thiết kế, chế tạo xong mẫu máy làm sạch thóc đang khảo nghiệm các thông số kỹ thuật để hoàn chỉnh thiết kế, chế tạo mẫu máy chính xác.

- Thiết kế chế tạo thành công dụng cụ bán cơ giới ép dầu cám và toàn bộ thiết bị phụ trợ. Tùy theo chất lượng cám đưa vào ép hiệu suất thu hồi dầu cám thô đạt từ 7 đến 10%.

- Xác định chế độ công nghệ thông gió và phổ biến kỹ thuật này cho một số công ty lương thực ở miền Nam trong bảo quản thóc.

- Đã tuyển chọn được các phương pháp xác định tồn chất lương thực trong bảo quản, chế biến và đã áp dụng phương pháp này vào thực tế sản xuất, bảo quản ở nước ta từ đó đề xuất được tỷ lệ hao hụt cho phép và kiến nghị các biện pháp giảm tồn thất trong bảo quản và xay sát.

- Nghiên cứu chế tạo và thử nghiệm một số chất nontoxin như đất hoạt hóa và dầu hoạt

hóa để phòng chống côn trùng trong quá trình bảo quản hạt.

- Hoàn thành việc nghiên cứu, thiết kế, chế tạo hai loại xích chuyên dùng trong ngành đường, chuẩn bị lắp đặt chạy thử để hoàn chỉnh các thông số kỹ thuật.

- Hoàn thành nghiên cứu thiết kế chế tạo lò hơi đốt bã mía công suất 10T hơi/giờ được Hội đồng nghiệm thu cấp nhà nước công nhận và cho chế tạo thử.

- Chế tạo nghiệm thu các chi tiết máy và phụ tùng của máy gọt được theo kiểu GTNACA. Đưa lắp đặt và thử nghiệm vào cuối năm 1988.

+ Về chăn nuôi thú y:

- Đã xác định, chọn lọc, xây dựng được đàn nái, hạt nhân và cung cấp được giống tốt: nhóm giống lợn hàng Phú Khánh. Thuộc Nhiều Yorkohize cho các cơ sở nhân giống tại Phú Khánh, Tiền Giang và thành phố Hồ Chí Minh.

- Dùng các biện pháp KHKT tổng hợp để nâng cao khả năng sinh sản của đàn lợn nái nền tại các trại giống của: Hà Sơn Bình, Hải Phòng, Tiền Giang, Đồng Nai và thành phố Hồ Chí Minh chọn nái hạt nhân, nhân thuần cung cấp được giống tốt cho các vùng giống và có hệ thống sổ sách theo dõi về giống.

- Nghiên cứu ổn định nhóm bò lai hướng sữa đạt bình quân sản lượng sữa 1854kg/chu kỳ vắt. Chọn lọc bò đực giống từ các dòng cao sản, phối cho bò cái bằng tinh charolais tạo bò lai F1 hướng thịt.

- Trung tâm nghiên cứu gia cầm đang theo dõi thích nghi dòng gà Hybro cao sản nhập nội từ Cuba. Sơ bộ thấy có khả năng thích nghi; dòng gà Moravi của Tiệp Khắc đạt trọng lượng 2,2kg/con, khả năng đẻ tốt. Bộ giống gà thịt Plymouth Rock và bộ giống trứng Leghorn ở đời 14 có năng suất thịt và trứng cho hơn đời 130 trung tâm đang thử nghiệm các công thức lai giữa dòng Hybro với Plymouth, đạt khối lượng có thể 8 tuần tuổi 1,9 kg (gà trống) và 1,4 kg (gà mái), tiêu tốn thức ăn 2,30 kg 1kg tăng trọng. Viện chăn nuôi đang tạo giống gà lai lấy thịt 3/4 máu Plymouths x Rôtri. Chọn được giống gà rô ri cao sản quy mô 200 nái với năng suất trứng 180 quả/năm.

- Vịt lai giữa Anh đào với Ô môn có năng suất lông cao hơn vịt ô môn 35%, khối lượng có thể 75 ngày tuổi đạt 1,6 kg.

- Đã sản xuất được OTC tại dây chuyền lên men 1,5 m đạt 6kg/lít dịch lên men với chủng giống DTC và cải tiến máy ép lọc thu hồi sản phẩm, chế thử premix khoáng Vicafo và Fumerit làm thức ăn bổ sung, có thể sản xuất với khối lượng lớn.

- Viện thú y đã hoàn thành quy trình chế vacxin phòng bệnh viêm gan vịt với chủng Việt

Nam, cung cấp cho trung tâm nghiên cứu vật Đại Xuyên. Sử dụng trên toàn bộ vật con ra lò. Vắc xin có hiệu lực và vật con an toàn.

- Hoàn thành quy trình sản xuất và sử dụng vắc xin SAL phòng bệnh đường ruột cho lợn sơ sinh tại khu vực nuôi lợn nái có hiệu quả.

- Sản xuất conjugat trong chẩn đoán kháng thể huyết quang: đang được ứng dụng chẩn đoán vào ổ dịch tả lợn và tiêm mao trùng trâu bò.

- Đã sản xuất được furforol làm nguyên liệu sản xuất furazolidon phòng trị bệnh cầu trùng và vi khuẩn đường ruột.

- Cục thú y đã xây dựng mô hình an toàn dịch bệnh gia súc, gia cầm trên địa bàn 5/g huyện của Thái Bình. Với tổ chức mạng lưới thú y huyện, xã, gia súc được tiêm phòng đạt tỷ lệ 85,95%.

- Đã đưa ra loại vắc xin caré phòng chống bệnh caré cho đàn chó nghiệp vụ và phổ biến quy trình phòng trừ sản đây cho đàn chó nghiệp vụ của Bộ tư lệnh biên phòng và Bộ Nội vụ.

+ Các đề tài về ong.

- Tiếp tục theo dõi thích nghi ong capcax (Liên Xô) về các mặt năng suất, sản phẩm, khả năng phát triển, khả năng chống bệnh Tropilaelaps.

- Tạo chúa công nghiệp kết hợp với sử dụng kết quả chọn lọc giống ong nhập nội, cung cấp được 2000 ong chúa từ giống đã chọn cho các tỉnh.

- Dùng phương pháp sinh học phòng trừ bệnh Tropilaelaps đạt hiệu quả diệt ký sinh từ 95 đến 98%. Hạn chế dùng thuốc hóa học, giữ được đàn ong mạnh do không bị ảnh hưởng của thuốc. Trong quá trình thực hiện kế hoạch nghiên cứu khoa học này năm qua nổi lên một số nét.

- Vụ KHKH cùng với Ban chủ nhiệm các chương trình, chủ nhiệm các đề tài đã rà soát chặt chẽ nội dung và tiến bộ thực hiện các đề tài. Tập trung các nguồn kinh phí và vật tư; lực lượng cán bộ đề tiến hành các đề tài trọng điểm như các đề tài về nhập nội chọn tạo các giống gia súc gia cầm, chọn tạo giống các loại cây trồng nông nghiệp nhằm giải quyết vấn đề cơ cấu mùa vụ và cơ cấu cây trồng cho từng vùng, các đề tài về công cụ lao động thủ công và cơ khí nhỏ phù hợp với cơ chế khoán mới trong nông nghiệp, các đề tài chế tạo phụ tùng thiết bị trong các ngành lương thực và mía đường để giảm bớt ngoại tệ nhập v.v...

Nhận thức rõ việc đưa TBKT vào sản xuất là cầu nối giữa khoa học và sản xuất, là khâu quan trọng để nâng cao hiệu quả của công tác nghiên cứu, đồng thời tạo nguồn thu để trích lập các quỹ, các cơ sở nghiên cứu khoa học đã triển khai một khối lượng công việc lớn, mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt trên các địa bàn của cả

nước; mô hình thâm canh tăng năng suất lúa đồng bằng sông Cửu Long với quy mô 16,500 ha cho năng suất lúa tăng 0,5 - 1,5 tấn/ha trong Vụ đông xuân 1987 - 1988. Quy trình tổng hợp thâm canh lúa. Đưa năng suất vùng thâm canh 2 lúa 1 vụ đông đạt 12 - 13T lương thực/ha/năm đã được triển khai với quy mô 3800 ha tại 5 tỉnh phía Bắc đạt mục tiêu năng suất 2 vụ lúa + 1 vụ ngô đông 12,4T lương thực/ha. Tổng bội thu trên toàn quy mô 2400T. Áp dụng các biện pháp tổng hợp, khắc phục các yếu tố hạn chế năng suất lúa và cải tạo đất phèn tại Thủy Nguyên (Hải Phòng), Hóc Môn (thành phố Hồ Chí Minh), Tân Thạch (Long An) với quy mô 2000 ha đã cho bội thu vụ đông xuân cũng như vụ mùa 1T/ha. Đưa vào vụ đông xuân 1987, 1988 và vụ Xuân 1988 6000 ha giống ngô DT6 đạt năng suất bình quân 40 - 50 tạ/ha, nơi cao nhất đạt 65kg/ha; xây dựng mô hình thâm canh ngô trên nền đất ướt ở An Giang Hậu Giang đạt 50 tạ/ha. Viện chăn nuôi đã xây dựng mô hình nuôi đàn vịt thịt ở vùng trọng điểm lúa; hai huyện Trà Cú, Long Phú (Hậu Giang) nuôi 7000 vịt thịt, 5000 mái đẻ, sản xuất được 300 tấn thịt vịt đạt tiêu chuẩn xuất khẩu 1,8kg con. Một số viện đã thành lập các trung tâm chuyển giao TBKT để có điều kiện triển khai nhanh và thuận lợi các đề tài TBKT (Viện công cụ cơ giới hóa NN viện lúa đồng bằng sông Cửu Long. Viện kỹ thuật nông nghiệp miền Nam).

- Nhiều cơ sở nghiên cứu (Viện KHKH Nông nghiệp Việt Nam, Viện kỹ thuật nông nghiệp miền Nam, Viện cây lương thực - thực phẩm, Viện lúa Đồng bằng sông Cửu Long, Viện chăn nuôi, Viện thổ nhưỡng nông hóa...) đã tiến hành việc giao khoán các đề tài nghiên cứu cho các bộ môn dưới hình thức ký kết các hợp đồng nhằm gắn trách nhiệm của các cán bộ nghiên cứu với sản phẩm cuối cùng và khuyến khích tinh năng động sáng tạo của cán bộ.

- Để phục vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thực nghiệm và nghiên cứu khoa học, đưa TBKT vào sản xuất, một số cơ sở nghiên cứu đã chuyển từ chế độ quản lý gắn thu bù chi sang hạch toán kinh tế độc lập (Viện chăn nuôi, Viện nghiên cứu dâu và cây có dâu...). Vốn hoạt động của Viện gồm: vốn nghiên cứu khoa học, vốn sản xuất kinh doanh (ngân sách, ngân hàng) và vốn tự có, kể cả vốn vay ngoại tệ. Viện có tư cách pháp nhân, được mở tài khoản ngân hàng nhà nước theo chế độ hiện hành.

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện kế hoạch của khoa học 3 năm qua cũng còn một số tồn tại.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý Nhà nước: Bộ tài chính, Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước, Ủy ban kế hoạch Nhà nước, và Bộ nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm chưa

chặt chẽ, chưa có kế hoạch cụ thể trong việc kiểm tra tiến độ phí vật tư v.v... do vậy chưa kịp thời giúp đỡ được cơ sở tháo gỡ những khó khăn vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện kế hoạch.

— Nhiều cơ sở nghiên cứu khoa học và một số ban chủ nhiệm chương trình và đề tài không chấp hành nghiêm chỉnh chế độ báo cáo định kỳ (không báo cáo hoặc nộp báo cáo rất chậm so với tiến độ), chế độ cáo cáo đăng ký kết quả nghiên cứu, cáo cáo thống kê, nên gây nhiều khó khăn cho các cơ quan quản lý của Bộ và Nhà nước.

— Quỹ phát triển KHKT của ngành chưa được thành lập nên không hỗ trợ được kinh phí nghiên cứu cho các đề tài thuộc ngành quản lý...

II. Phương hướng, nội dung công tác khoa học kỹ thuật hai năm 1981 — 1990.

Hoạt động KHKT của ngành trong hai năm 1989 — 1990 sẽ tập trung vào các mũi nhọn đã được Bộ xác định nhằm phục vụ 3 chương trình kinh tế do Đại hội 6 đề ra là: cây lương thực, chăn nuôi, cá phê chế, dầu thực vật rau quả mía đường, thuốc lá rượu bia, dầu tầm tơ, các loại nước giải khát gia vị. Chuyên biến mạnh trong khâu chế biến nông sản nhằm tăng giá trị của nông sản, phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu; tăng mặt hàng đạt tiêu chuẩn quốc tế, gắn nghiên cứu KHKT với kinh tế.

Những nội dung trọng điểm chủ trọng như sau.

1. Về trồng trọt và cơ khí.

— Áp dụng các biện pháp lai tạo chọn lọc các giống năng suất cao; chống chịu các điều kiện hạt bất thuận (khô hạn, úng, phèn mặn, rét, sâu bệnh) thích hợp với các vùng sinh thái. Xây dựng hệ thống giống lúa cho các vùng trồng cây lương thực và cây thực phẩm trong các điều kiện sinh thái khác nhau. Xây dựng quy trình thâm canh tổng hợp ở các vùng trọng điểm lúa, quy trình thâm canh lúa ở các vùng khó khăn (nước sâu, ngập úng, hạn, phèn mặn).

Đưa vào sản xuất thử các giống lúa chịu chua, thiếu lân: V15; MT1; MT4; chịu phèn OM88-6, TN 108, IR66, C662083, IR68 chịu mặn DCM1, OM87-6, OM44-5, OM296, IR32843-2-2-1; chịu ngập úng U9, DB251, Kháng rầy nâu 84-1, 84-2, OM86-9, OM90, C180, VN86, OM91; Kháng bạc lá, đạo ôn Xi-12, IR4819; Các giống lúa chịu hạn CH1, CH2, CH3, CH4, CH133; các giống lúa cạn IR 24594-272-2-2-2, IR 29637-67-33 UPL-R15; các giống lúa ngắn ngành N6, N11, N13, N15, N25.

— Chọn tạo các giống cây mẫu (ngô, khoai tây, khoai lang, sắn). Các giống đậu đỗ có năng suất cao. Phẩm chất tốt, chống chịu sâu bệnh, thích hợp với chế độ luân canh trên một số vùng trồng lúa đã trồng màu; các biện pháp thâm

canh cây mẫu và đậu đỗ. Đưa vào sản xuất thử các giống ngô LDSB1, LDS82, Q63, K2, A4, HL31, HL17B, LD1, LD2, VXO2-1, H2S. Giống lai DT6 Xauwan, DT6x vàng phương tây, HSB1, MSB31, MSB31, MSB28; giống cây HV; giống lúa mỳ than uyên và dòng 11, giống đại mạch Api; giống khoai tây Sipsi, VH1, VH2, P3, 378597-1, 388; giống khoai lang VX37-1 HL4, HL84-4; giống sắn trắng Thái Lan, Quảng Ngãi, giống đậu tương VX9-1, VX9-2, VX87-C1, VX87-C2, AKO3, VX9-3, DT95, DT83, dòng ngắn ngày D22; các giống lạc 75/23 V79, B5000; 4329, Nhất 17, A. Lạc lý, Bạch sa 77; các giống đậu xanh VX, VX87-E1 VX87-E2, đậu xanh mỡ Aset; các giống đậu rồng HL86-3, HL86-6, HL86-7; các giống cà chua 21,4 cái bắp CB1, giống dưa chuột hữu nghị, các giống dưa hấu số 1, số 2.

— Tiếp tục các đề tài nghiên cứu về cây bông, cây dừa sợi, dầu tầm, các đề tài về cà phê, chè mía, thuốc lá, cây có dầu đề đảm bảo nguyên liệu cho nông nghiệp và nguồn xuất khẩu. Chú trọng các đề tài về quỹ gen cây trồng, dầu tầm, rau quả trong chương trình hợp tác Việt-Xô, các đề tài công nghệ sinh học hợp tác trong khối SEV. Đưa vào sản xuất thử các giống bông MCU5 MCU9 C6002, TM1. Hải đảo không cang của Liên Xô, sản xuất ong mật đồ trên dây chuyền công nghiệp của Liên Xô, các biện pháp sơ chế bông Việt Nam; các giống dầu tầm bội thế số 11, số 34, các giống tầm nguyên dụng VX, J71, LNB và các cặp lai của chúng, các cặp lai 07X157K, 09X157K, 07X08; các giống chè A1, 777, và các biện pháp cải tạo nương chè già cỗi; giống cà phê catimor và 10 tỉnh đồng cà phê với được chọn lọc; các giống mía Ja60-5, F154, CO 819-67 cho các tỉnh phía Nam) và F156, My55-14 (cho phía Bắc); Giống thuốc lá THB-1 cho các tỉnh phía Bắc; các chủng dưa ta xanh lá vàng và mô hình thâm canh dưa trên một số vùng sinh thái. Đưa vào sản xuất thử các công cụ sản xuất lúa: khung vạ năng dùng cho động cơ diesel 9-12 mã lực, bánh sắt cho máy kéo MTZ làm việc trên đất khô và ướt, công cụ sản xuất ngô, máy lã ngô đập chân...

2. Về chăn nuôi thú y tiếp tục các đề tài nâng cao chất lượng lợn dục giống để nâng cao năng suất sinh sản lợn nái. Xác định các cặp lợn lai kinh tế đạt tỷ lệ nạc cao phục vụ xuất khẩu. Phát triển nhóm giống lợn trắng Phú Khánh, Thuộc Nhiều, Yorkshire cung cấp giống có chất lượng cao cho vùng giống nhân dân. Đưa bò lai lượng thịt và hướng sữa vào các vành đai thực phẩm. Đưa nhanh công nghệ vi sinh vào sản xuất thức ăn bổ sung và nghiên cứu các loại thức ăn mới cho gia súc, gia cầm. Xây dựng các mô hình nuôi lợn gia cầm phục vụ xuất khẩu;

mô hình an toàn đại bạch cho gia súc gia cầm và tăng nhanh chất lượng số đàn trâu bò cày kéo ở hai vùng Đồng bằng Sông Hồng và đồng bằng sông Cửu Long ứng dụng các vắc xin phòng bệnh dịch tả vịt gumboro, conjugat dùng trong chẩn đoán huyết thanh bệnh dịch tả lợn và tiêm mao trúng, đưa Fedextran vào quy mô sản xuất công nghiệp. Thiết kế chế tạo thử các dụng cụ chuyên dùng cho ngành thú y chăn nuôi. Hoàn thiện quy trình sản xuất vắc xin phòng bệnh cho gia súc gia cầm từ khâu giống. Kiểm nghiệm đến sản xuất (vắc xin gumboro, vắc xin đường ruột lợn con, vắc xin ajesky).

3. Về lương thực — thực phẩm: chú trọng các đề tài chế biến hoa màu thành nguyên liệu cho công nghiệp và thực phẩm quy mô vừa và nhỏ, các đề tài nghiên cứu sấy xử lý bằng phương pháp gián đoạn và liên tục dùng trấu làm nhiên liệu; nâng cao hiệu quả sử dụng hóa chất trong phòng trừ côn trùng hại lương thực; nghiên cứu thiết kế chế tạo máy làm sạch thóc nhập kho; hoàn thiện nghiệm thu phân máy gặt vỏ dựa theo mẫu G INACA, triển khai tiếp tục phân máy cắt khoanh đột lỗ, cải tiến bao bì dể hộp, chất dẻo, thủy tinh và nghiên cứu Vắc xin mới dùng đóng sản phẩm xuất khẩu; hoàn chỉnh công nghệ và thiết bị sấy chuối xuất khẩu.

4. Về công nghệ sinh học và công nghiệp mía đường.

Dưa ứng dụng chế phẩm alfaamilaza phục vụ sản xuất có hiệu quả cho công nghiệp về hồ vôi (đet) và công nghiệp rượu bia; hoàn thành lắp

đặt, chạy thử và đưa vào sử dụng 3 loại xút bằng chuyền trung gian, xích băng tải mía và xích máy ép 500T mía/ngày. Tiếp tục hoàn chỉnh thiết kế chế tạo lồng thiết bị của nồi hơi 10T/giờ cùng với quy trình để hoàn thành chế tạo lò hơi này trong năm 1989. Nghiệm thu và kết luận đưa vào chế tạo hệ máy ép mía 5 lò có hiệu suất thu hồi nước mía cao, dùng cho các cụm chế biến đường địa phương.

Để thực hiện được phương hướng nội dung công tác KHKT trên đây, về mặt tổ chức sẽ sắp xếp lại và kiện toàn mạng lưới các cơ quan nghiên cứu khoa học và triển khai kỹ thuật của ngành theo chỉ thị số 199 ngày 25 tháng 6 năm 1988 của chủ tịch HĐBT.

— Hình thành một số Viện nghiên cứu những vấn đề khoa học kỹ thuật quan trọng chủ chốt của ngành. Tích cực chuẩn bị điều kiện để hình thành Viện nghiên cứu quốc gia về nông nghiệp.

— Chuyển các viện, các trung tâm có chức năng nghiên cứu những vấn đề gắn liền với các sản phẩm cụ thể của sản xuất thành các viện trung tâm trực thuộc Liên hiệp xí nghiệp. Tổng công ty o.

— Thành lập một số Liên hiệp khoa học — sản xuất nhằm tiến hành nghiên cứu tạo ra kỹ thuật mới, công nghệ mới, Hoạt động của Liên hiệp khoa học — sản xuất dựa trên nguyên tắc hạch toán kinh tế. Thành lập bên cạnh Viện các trung tâm chuyên giao TBKT.

Biên tập Nguyễn Gia Tuệ

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ ĐỔI MỚI...

(Tiếp Theo trang 10)

Cuối cùng, điều rất quan trọng là sớm xây dựng và thực hiện chính sách đồng bộ về khuyến khích và phát huy hiệu quả chất xám. Hệ thống này bao gồm các chính sách khuyến khích người hoạt động KHKT bao gồm những người làm nghiên cứu cơ bản nghiên cứu triển khai và đưa tiến bộ KHKT vào sản xuất. Các chính sách này bao gồm cả khuyến khích vật chất và tinh thần trong đó có giải quyết thỏa đáng

lương bổng, học vị, thu nhập từ kết quả do đề tài mang lại, đi tham quan học tập trong nước và ngoài nước, quyền tác giả v.v. Bên cạnh đó cần chính sách khuyến khích người sản xuất áp dụng các tiến bộ KHKT, đổi mới công nghệ và quy trình sản xuất. Trong việc này chất xám cần được lượng hóa và đánh giá đúng. Cần đảm bảo việc phân chia lợi nhuận do kết quả áp dụng các tiến bộ KHKT đem lại giữa các khâu trồng trọt (và chăn nuôi), chế biến lưu thông phân phối một cách công bằng, hợp lý.

Biên tập: Nguyễn Phú Ninh

THÔNG BÁO

Bắt đầu từ số 4-1989 giá bán lẻ tạm thời tạp chí Hoạt động khoa học là 300đ00. Vậy chúng tôi thông báo để đồng đạo bạn đọc biết.

TCHĐKH